

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/HSST
Ngày 03 tháng 7 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Thẩm phán: Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tam, ông Phạm Thế Phương và bà Nguyễn Thị K Trang.

- Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Hữu Lợi, ông Ngô Tấn Bửu - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Tân Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Hoài Thanh, bà Nguyễn Thị Khánh Vi
- Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 28/2024/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 6 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 08/TB-TA ngày 18 tháng 6 năm 2024, đối với các bị cáo:

Nguyễn Thanh H, sinh ngày 23/3/1978, tại An Giang; nơi đăng ký thường trú (chỗ ở hiện nay): khóm D, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề Nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông Nguyễn Văn H1(đã chết) và bà Phạm Thị Q (đã chết); vợ là Lương Thị K T và có 02 người, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không; Bị can bị tạm giam tại nhà tạm giữ - C an thị xã Tân Châu từ ngày 23/7/2023 đến ngày 20/10/2023, hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 07/02/2024, bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ - C an thị xã Tân Châu (có mặt).

Lương Thị K T, sinh ngày 03/9/1978, tại An Giang; nơi đăng ký thường trú (chỗ ở hiện nay): khóm D, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề Nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông Lương Văn Ch (đã chết)

và bà Nguyễn Thị D (đã chết); chồng là Nguyễn Thanh H và có 02 người, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2010; nhân thân: tốt; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/8/2023 đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo H và T: Ông Lê Hùng T – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Vinh Ph – Chi nhánh An Giang; Địa chỉ: Số 39 đường Huỳnh Thúc Kháng, khóm H, thị trấn A, tỉnh An Giang (có mặt).

Đỗ Thanh B, sinh ngày 24/02/1977, tại An Giang; nơi đăng ký thường trú: khóm D, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang; (chỗ ở hiện nay): Số 2D1 đường Trần B Trọng, phường N, quận S, thành phố Hồ Chí Minh; nghề Nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con Đỗ Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tuyết H; vợ là Nguyễn Thị Bích L và có 01 người con sinh năm 2003; nhân thân: tốt; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Khuru Thị H, sinh ngày 07/7/1962, tại Campuchia; nơi đăng ký thường trú (chỗ ở hiện nay): khóm D, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề Nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông Khuru Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ch; chồng là Lê Nhân Đ và có 02 người, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1990; nhân thân: tốt; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Tiêu Thành C, sinh ngày 20/9/1979, tại An Giang; nơi đăng ký thường trú (chỗ ở hiện nay): khóm D, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề Nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông Tiêu Thành C (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); vợ là Trần Thị H và có 03 người, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2013; nhân thân: tốt; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị V (S), sinh năm 1982; cư trú: Khóm D, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt);

- Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1966; cư trú: Khóm I, phường G, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt);

- Bà Đặng Thị Bích V, sinh năm 1977; cư trú: Khóm D, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt);

- Ông Lê Văn C, sinh năm 1967; cư trú: Tổ 13, ấp G, xã T, thị xã A, tỉnh An Giang (có mặt);

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1968; cư trú: Khóm J, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt);

- Bà Trần Kim H1, sinh năm 1982; cư trú: khóm D, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt);

- Bà Huỳnh Thị Ngọc Tr, sinh năm 1989; cư trú: Ấp H, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Chị La Xuân Q, sinh năm 1999; cư trú: Số 241 Nguyễn Tri Phương, khóm D, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1973; cư trú: Khóm L, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

Người làm chứng: Bà Hồ Ngọc D, bà Lương Thị Mộng Ngh và bà Lương Thị K (đều có mặt); anh Nguyễn Phước H, bà Phạm Thị K (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Nguyễn Thanh H, Lương Thị K T, Đỗ Thanh B, Khuru Thị H, Tiêu Thành C bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 23/7/2023, Đội Hình sự - C an thị xã Tân Châu phối hợp C an phường Long Thạnh kiểm tại khu vực chợ Trung tâm Thương mại thị xã Tân Châu thuộc khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu phát hiện, thu giữ của bị cáo Khuru Thị H nhiều tờ giấy ghi bán số đề. Bị cáo H khai: Ngày 22/7/2023, bị cáo H ghi bán số đề cho nhiều người, với số tiền trên phoi đề 5.406.000 đồng, nộp cho các bị cáo Nguyễn Thanh H, Lương Thị K T để được hưởng huê H.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra C an thị xã Tân Châu đã mời làm việc, tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của các bị cáo Nguyễn Thanh H, Lương Thị K T tại khóm Long Thạnh D, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, thu giữ: 05 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, Iphone, Redmi và nhiều dụng cụ phục vụ cho việc bán số đề. Các bị cáo H, T khai: Ngày 22/7/2023, các bị cáo H, T trực tiếp ghi bán và nhận phoi đề với tổng số tiền là 14.711.000 đồng, cụ thể:

- Nhận phoi đề của bị cáo Khuru Thị H: 10.256.000 đồng (đài Long An: số tiền 5.900.000 đồng; Miền Bắc: 4.356.000 đồng).

- Nhận phoi đề của bị cáo Tiêu Thành C giao là: 1.265.000 đồng (đài Long An: 1.172.000 đồng; Miền Bắc: 93.000 đồng).

- Trực tiếp ghi bán cho Lê Thị V (S): 390.000 đồng (đài Long An: 320.000 đồng; Miền Bắc :70.000 đồng).

Sau khi nhận phoi, bị cáo H tổng hợp và nhắn tin, giao 02 số 31, 39 cho bị cáo Đỗ Thanh B với tổng số tiền 2.800.000 đồng, không trúng thưởng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định điện thoại, sao kê tài khoản ngân hàng, xác định:

Từ tháng 5/2022, bị cáo H thỏa thuận với bị cáo Đỗ Thanh B, hàng ngày sau khi bị cáo H bán số đề, nhận phôi đề sẽ tổng hợp phôi và chiết số đầu của giải 8 (lô A), giao lại cho bị cáo B trực tiếp thắng thua với người chơi, bị cáo H hưởng lợi 15%, tỷ lệ trúng là 1 x 73. Như đã thỏa thuận, hàng ngày, khoảng 15 giờ 20 phút đến 15 giờ 30 phút, bị cáo H sử dụng số thuê bao 0372118252 nhắn tin SMS đến số thuê bao 0907588557 của bị cáo B để giao số đầu 31, 39 với số tiền 1.400.000 đồng/01 con số và các con số khác như: 24, 28, 52... với số tiền 400.000 đồng/01 con số. Trong đó, ngày 26/5/2022, bị cáo H giao cho bị cáo B số đầu 24 (đài An Giang), số tiền 400.000 đồng, đối chiếu kết quả xổ số, H trúng với số tiền 400.000 đồng x 73.000 đồng = 29.200.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc của ngày 26/5/2022 là 29.600.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số, bị cáo H nhắn tin cho bị cáo B số tài khoản mang tên “HNH THI NGOC TRUC”, ngày 27/5/2022, bị cáo B sử dụng số tài khoản mang tên “ĐỖ THANH B” cHển tiền cho bị cáo H.

Từ tháng 12/2022, bị cáo H thỏa thuận nhận phôi đề do bị cáo Tiêu Thành C trực tiếp ghi bán cho nhiều người, bị cáo C sử dụng tài khoản Zalo "Yy" gửi hình phôi đề đến tài khoản Zalo "Hhhh" của bị cáo Nguyễn Thanh H, bị cáo H trả huê H cho bị cáo C 10%. Sau khi có kết quả xổ số, bị cáo H tính tiền thắng thua và thông báo lại cho bị cáo C và trực tiếp gặp bị cáo C để nhận tiền thắng thua. Số tiền đánh bạc bị cáo C trực tiếp ghi bán, nộp cho bị cáo H hàng ngày từ khoảng 1.000.000 đồng đến hơn 3.000.000 đồng và số tiền trúng thưởng khoảng 3.000.000 đồng, trong đó có 01 ngày cuối tháng 6/2023 (ngày 30/6/2023), bị cáo C ghi bán, nộp cho bị cáo H 3.750.000 đồng, đối chiếu kết quả xổ số có số trúng với số tiền 4.500.000 đồng, tổng cộng số tiền nộp phôi và trúng thưởng là 8.250.000 đồng. Sau khi được bị cáo H tính tiền thắng thua, bị cáo C đọc lại số tiền cho Trần Kim H1 (vợ bị cáo C), ghi lại để theo dõi.

Từ 18/7/2023 đến 21/7/2023, ngoài việc nhận phôi đề của các bị cáo H, C, các bị cáo H, T còn 02 lần đánh bạc với Nguyễn Thanh Nh vào các ngày 19/7/2023, 21/7/2023 với số tiền khoảng 500.000 đồng - 600.000 đồng và trực tiếp ghi bán số đề cho Lê Thị V (S), Lê Văn C, Lê Thị N, Đặng Thị Bích V nhưng không xác định số tiền cụ thể.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - C an thị xã Tân Châu đã khởi tố các bị cáo Nguyễn Thanh H, Lương Thị K T, Khuru Thị H, Đỗ Thanh B, Tiêu Thành C, cùng về tội Đánh bạc.

Kết luận giám định số 355 ngày 04/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự-C an tỉnh An Giang và Kết luận giám định số 377 ngày 20/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - C an tỉnh An Giang phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên.

Ngoài ra, bị cáo Đỗ Thanh B còn khai thêm: trong thời gian giao nhận phôi đề do bị cáo H chiết số cho bị cáo B, ngoài lần trúng thưởng số 24 với số tiền 400.000 đồng, bị cáo H còn có trúng thưởng nhiều lần khác nhưng thời gian không nhớ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Văn C, Lê Thị N không thừa nhận có tham gia đánh bạc với các bị cáo H, T. Riêng Đặng Thị Bích V không xác định thời gian và số tiền đánh bạc, từng lần đánh bạc dưới 5.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 03 (ba) điện thoại di động hiệu Nokia 6700, lần lượt có sim số: 0372118252; 0383337595; 0919966408.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 2690 có sim số: 0829721568.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 150 có sim số: 0843071083.

- 02 (hai) điện thoại di động hiệu Iphone 6, Iphone 12.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme 9A có sim số: 0346944994.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S7.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo Y71A.

- 25 (hai mươi lăm) cây viết màu xanh; 20 (hai mươi) cây viết màu đỏ; 03 (ba) máy tính hiệu Casio; 02 (hai) cây kéo.

- 88 (tám mươi tám) tờ phoi đề có các chữ màu đỏ; 01 (một) tờ giấy có nội dung kết quả xổ số ngày 14/5/2023; 01 (một) tờ vé số đài Đồng Tháp ngày 17/7/2023 mặt sau ghi nhiều chữ bằng màu xanh; 02 (hai) tờ giấy kẻ sọc caro có chữ số, chữ viết màu xanh.

- 07 (bảy) tờ giấy lịch mặt sau ghi nhiều số bằng mực xanh; 01 (một) tờ bìa giấy của sổ khám bệnh mặt sau ghi nhiều chữ màu xanh.

- Số tiền Việt Nam: 133.126.000 (một trăm ba mươi ba triệu một trăm hai mươi sáu nghìn) đồng.

Ngày 05/02/2024, bị cáo H tự nguyện giao nộp khắc phục hậu quả số tiền đánh bạc và thu lợi bất chính là 24.711.000 đồng.

Lời khai các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trình bày như nội dung vụ án, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập, thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số: 19/CT-VKSTC-HS ngày 09/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh H, Lương Thị K T, Đỗ Thanh B, Khuru Thị H, Tiêu Thành C về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo các bị cáo Nguyễn Thanh H, Lương Thị K T, Khuru Thị H, Đỗ Thanh B, Tiêu Thành C vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thị V, Nguyễn Văn Nh, Đặng Thị Bích V, Lê Văn C, Lê Thị N, Trần Kim H1, Nguyễn Thị Thanh Th; người làm chứng Hồ Ngọc D, Lương Thị Mộng Ngh, Lương Thị K giữ nguyên lời khai giai đoạn điều tra, truy tố.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Ngọc Tr, La Xuân Q; người làm chứng Nguyễn Phước H, Phạm Thị K vắng mặt nhưng quá trình điều tra đều khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự và khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự xử phạt bị cáo Lương Thị K T bằng thời hạn tạm giam (11 tháng 08 ngày) về tội “*Đánh bạc*” và trả tự do cho bị cáo T nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Thanh B từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 02 (hai) năm đến 03 (hai) năm về tội “*Đánh bạc*”, giao Ủy ban nhân dân phường phường 1, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo Giàu trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 35; Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Khuru Thị H, Tiêu Thành C mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng về tội “*Đánh bạc*”.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H, C.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Thanh H, Lương Thị K T số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bị cáo Đỗ Thanh B số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự

- Tịch thu tiêu hủy đối với vật là C cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng: 25 cây viết màu xanh; 20 cây viết màu đỏ; 03 máy tính hiệu Casio; 02 cây kéo.

- Tịch thu giao nộp ngân sách Nhà nước đối với C cụ, phương tiện dùng việc phạm tội: 03 điện thoại di động hiệu Nokia 6700, lần lượt có sim số: 0372118252; 0383337595; 0919966408; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 2690 có sim số: 0829721568; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 150 có sim số: 0843071083; 02 điện thoại di động hiệu Iphone 6, Iphone 12; 01 điện thoại di động hiệu Realme 9A có sim số: 0346944994; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S7 và 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y71A; số tiền liên quan đến đánh bạc 31.232.000 đồng (của bị cáo H, T 29.287.000 đồng; của bị cáo H 1.945.000 đồng)

- Buộc các bị cáo giao nộp số tiền thu lợi bất chính, cụ thể: Bị cáo H, T giao nộp số tiền thu 10.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền do bị cáo giao nộp và tạm giữ của bị cáo; Bị cáo B giao nộp số tiền thu 30.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền do bị cáo giao nộp và tạm giữ của bị cáo; Bị cáo H giao nộp số tiền 5.000.000 đồng, được khấu trừ một phần vào số tiền do bị cáo bị tạm giữ, bị cáo tiếp tục nộp thêm số tiền 2.905.000 đồng; Bị cáo C giao nộp số tiền 5.000.000 đồng;

- Trả lại số tiền của vợ cH H, T không liên quan đến đánh bạc 83.700.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Lưu hồ sơ vụ án: 88 (tám mươi tám) tờ phôi đề có các chữ màu đỏ; 01 (một) tờ giấy có nội dung kết quả xử số ngày 14/5/2023; 01 (một) tờ vé số đài Đồng Tháp ngày 17/7/2023 mặt sau ghi nhiều chữ bằng màu xanh; 02 (hai) tờ giấy kẻ sọc caro có chữ số, chữ viết màu xanh; 07 (bảy) tờ giấy lịch mặt sau ghi nhiều số bằng mực xanh; 01 (một) tờ bìa giấy của sổ khám bệnh mặt sau ghi nhiều chữ màu xanh.

Đối với: Lê Thị V, Nguyễn Văn Nh đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra - C an thị xã Tân Châu đề nghị xử phạt vi phạm hành chính là đảm bảo; Lê Văn C, Lê Thị N không thừa nhận có tham gia đánh bạc, xét ngoài lời khai bị can H, Cơ quan điều tra chưa thu thập được tài liệu, chứng cứ khác xác định có tham gia đánh bạc; Đặng Thị Bích V nhận hành vi đánh bạc với T nhưng không xác định được thời gian, ngoài lời khai của V không tài liệu, chứng cứ khác xác định V có tham gia đánh bạc, nên chưa có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với C, N, V; Trần Kim H1 được C nhờ ghi lại kết quả tính tiền do H cHển đến để C theo dõi. Xét thấy, hành vi của H1 được thực hiện sau khi hành vi đánh bạc của C, H đã kết thúc, không hưởng lợi, không cùng mục đích đánh bạc nên chưa đủ căn cứ xác định trách nhiệm hình sự đối với H1.

Trong phần tranh luận, các bị cáo H, T, B, H, C không có tranh luận và bào chữa gì, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt; bị cáo H, T xin nhận lại số tiền không liên quan đến việc đánh bạc.

Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo H, T thống nhất với luận tội của đại diện Viện kiểm sát truy tố các bị cáo H, T về tội “đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Thống nhất đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52; tình tiết giảm nhẹ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo H, T là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít Nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản Điều 51 Bộ luật Hình sự vì các bị cáo H, T, bị đề nghị truy tố theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt là phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm (tội phạm ít Nghiêm trọng) và hồ sơ vụ án thể hiện ngoài lần bị truy tố này các bị cáo H, T chưa bị kết án về một tội nào khác. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt cho bị cáo H thấp hơn mức hình phạt đề nghị của Viện kiểm sát. Thống nhất quan điểm đề nghị đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt của bị cáo T bằng thời hạn tạm giam và trả tự do cho bị cáo T tại phiên tòa.

Về hình phạt bổ sung, các bị cáo H, T bị tạm giam cùng một lúc nên không làm kinh tế tạo thu nhập gia đình, người con lớn các bị cáo pH tạm ngừng việc học vì hoàn cảnh khó khăn và pH chăm sóc em của mình. Hoàn cảnh gia đình của các bị cáo H, T khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo H, T.

Kiểm sát viên đối đáp, căn cứ văn bản hướng dẫn Nghiệp vụ của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao các bị cáo H, T đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên đại diện Viện kiểm sát không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít Nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung, theo trích xuất tài khoản Ngân hàng của Huỳnh Thị Ngọc Tr, La Xuân Q, Nguyễn Thị Thanh Th các bị cáo H, B đã cHển khoản qua lại trong thời gian dài, các bị cáo thu lợi bất chính từ việc đánh bạc trong thời gian dài. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo H, T là có căn cứ.

Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng, xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Thanh Tr, La Xuân Q và người làm chứng Nguyễn Phước H, Phạm Thị K đều vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, hành vi, mục đích phạm tội, cùng các vật chứng đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Từ khoảng tháng 5/2022 đến ngày 22/7/2023, tại khu vực khóm Long Thạnh D, phường Long Thạnh thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, các bị cáo Nguyễn Thanh H, Lương Thị K T, Đỗ Thanh B, Khưu Thị H, Tiêu Thành C có hành vi đánh bạc trái phép, thắng thua bằng tiền, với số tiền đánh bạc trong ngày 22/7/2023 của các bị cáo H, T là 14.711.000 đồng. Bị cáo Khưu Thị H, Tiêu Thành C giúp sức cho các bị cáo H, T đánh bạc bằng hình thức ghi bán số đề, nộp phôi hưởng H1 H, với số tiền bị cáo H nộp vào ngày 22/7/2023 là 10.256.000 đồng; bị cáo C nộp ngày 30/6/2023 là 8.250.000 đồng. Bị cáo Đỗ Thanh B giúp sức cho bị cáo H đánh bạc bằng hình thức thỏa thuận nhận lại các con số do bị cáo H ghi bán, nhận phôi của người khác, để trực tiếp thắng thua, với số tiền đánh bạc, trúng thưởng ngày 26/5/2022 là 29.600.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo H, T, B, H, C đã phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt là phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm (tội phạm ít Nghiêm trọng).

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là tệ nạn xã hội gây ra nhiều hệ lụy cho gia đình và xã hội, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội. Bên cạnh, xử lý vi phạm hành chính, pháp luật hình sự còn quy định đánh bạc là tội phạm và những người vi phạm sẽ bị áp dụng chế tài là hình phạt.

[4] Xét tính chất, vai trò tham gia trong vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo H, T, B, H, C đều là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc với hình thức giao nộp phôi số lô, số đề là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý nhằm hưởng lợi bất chính.

Đây là vụ án đồng phạm nhưng giản đơn, bị cáo H là người khởi xướng, rủ rê, trực tiếp ghi bán số đề và tính tiền thắng thua với những người mua. Bị cáo T (vợ bị cáo H) giúp bị cáo H trong việc ghi số đề và tiếp nhận phôi đề của các bị cáo H, C giao nộp. Các bị cáo H, C giao nộp phôi đề cho các bị cáo H, T để hưởng huê H. Bị cáo B giúp sức cho bị cáo H đánh bạc bằng hình thức thỏa thuận nhận lại các con số do bị cáo H ghi bán, nhận phôi của người khác, để trực tiếp thắng thua. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với từng hành vi của các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo H, T có phạm tội đánh bạc 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo H, T, B, H, C thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; sau khi phạm tội các bị cáo H, T, B đã tự nguyện giao nộp tiền thu lợi bất chính của mỗi bị cáo và số tiền đánh bạc; các bị cáo thuộc thành phần lao động, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; bị cáo C có cha ruột là người có C với cách mạng. Riêng các bị cáo B, H, C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít Nghiêm trọng là các tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Người bào chữa cho các bị cáo H, T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít Nghiêm trọng cho các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy, các bị cáo H, T thực hiện hành vi đánh bạc vào các ngày 26/5/2022, ngày 30/6/2022 và ngày 22/7/2023, các bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Căn cứ C văn số 01/2017/GĐ-TANDTC giải đáp một số vấn đề Nghiệp vụ của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng tình tiết “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít Nghiêm trọng”, Hội đồng xét xử, không áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít Nghiêm trọng” cho các bị cáo H, T.

Hành vi của các bị cáo T, H, B, H, C là nguy hiểm cho xã hội, mất an ninh trật tự tại địa phương. Hiện nay, trên địa bàn thị xã Tân Châu loại tội phạm về đánh bạc trong đó có hành vi bán số đề thắng thua bằng tiền có chiều hướng gia tăng. Đánh giá toàn diện vụ án, căn cứ và tính chất hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo T, H, và các quy định của pháp luật

Hội đồng xét xử, xét

thấy cần pH áp dụng hình phạt tù giam các bị cáo T, H mới đảm bảo tính Nghiêm minh của pháp luật, đạt mục đích giáo dục, răn đe đối với các bị cáo T, H và phòng ngừa chung cho toàn xã hội nói chung. Tuy nhiên, các bị cáo T, H là vợ chồng, cha mẹ các bị cáo H, T đã chết, các bị cáo có hai con người con, một người con lớn đã vào đại học và một người con chưa thành niên, cuộc sống các con gặp nhiều khó khăn và người con lớn đã tạm ngừng việc học tập do không có nguồn cung cấp tài chính. Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt tù đối với bị cáo T bằng thời hạn tạm giam để tạo điều kiện cho bị cáo T lao động nuôi dạy hai con chung. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, chấp nhận.

Riêng bị cáo H đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt tù 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội “*Đánh bạc*” là Nghiêm khắc. Hội đồng xét xử, xem xét cân nhắc mức hình phạt tù đối với bị cáo H thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhưng vẫn đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Bị cáo B có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 và các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; không có tiền án, tiền sự; nhân thân tốt; bị cáo B phạm tội với vai trò giúp sức. Hội đồng xét xử, cho bị cáo B hưởng án treo là phù hợp theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Đỗ Thanh B từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 02 (hai) năm đến 03 (hai) năm về tội “*Đánh bạc*” là Nghiêm khắc. Hội đồng xét xử, xem xét cân nhắc mức hình phạt tù đối với bị cáo B thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhưng vẫn đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Giao bị cáo B cho Ủy ban nhân dân phường 1, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

(Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo).

Đối với các bị cáo H, C giúp sức bị cáo T, H trong việc đánh bạc hành vi của bị cáo H, C không nguy hiểm như hành vi bị cáo H, T, B. Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo H, C. Xét, áp dụng mức hình phạt tiền đối với các bị cáo H, C cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người C dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì “*người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Bị cáo H, C đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo H, C; phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Thanh H và Lương Thị K T số tiền 20.000.000; phạt bổ sung Đỗ Thanh B số tiền 20.000.000 đồng.

Người bào chữa cho các bị cáo H, T đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, do các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Hội đồng xét xử nhận thấy, các bị cáo H, T đã thực hiện hành vi đánh bạc và thu lợi bất chính từ việc đánh bạc trong thời gian dài; đồng thời số tiền các bị cáo đang bị tạm giữ nhiều hơn mức hình phạt bổ sung của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận quan điểm đề nghị của người bào chữa; quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Không có.

[7] Về vật chứng: Đối với 03 (ba) điện thoại di động hiệu Nokia 6700, lần lượt có sim số: 0372118252; 0383337595; 0919966408; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 2690 có sim số: 0829721568; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 150 có sim số: 0843071083; 02 (hai) điện thoại di động hiệu Iphone 6, Iphone 12; 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme 9A có sim số: 0346944994; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S7; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo Y71A, đây là phương tiện các bị cáo đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu bán phát mại sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với, 25 (hai mươi lăm) cây viết màu xanh; 20 (hai mươi) cây viết màu đỏ; 03 (ba) máy tính hiệu Casio; 02 (hai) cây kéo, giá trị sử dụng thấp, xét tịch thu tiêu hủy.

Tiền Việt Nam thu giữ: 133.126.000 đồng, trong đó số tiền của các bị cáo H, T: 98.276.000 đồng (số tiền liên quan đến đánh bạc 14.576.000 và 83.700.000 đồng tiền hốt hụi, tiền con đi học không liên quan đến đánh bạc); số tiền của bị cáo B tự nguyện giao nộp khắc phục hậu quả 30.000.000 đồng; thu giữ của bị cáo H số tiền 4.850.000 đồng (số tiền liên quan đánh bạc 1.945.000 đồng, số tiền mua bán trái cây 2.905.000 đồng).

Ngoài ra, ngày 05/02/2024, bị cáo H tự nguyện giao nộp khắc phục hậu quả số tiền đánh bạc và thu lợi bất chính là 24.711.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận: bị cáo H, T thu lợi bất chính từ việc đánh bạc với số tiền 10.000.000 đồng và số tiền liên quan đến việc đánh bạc là 29.287.000 đồng; bị cáo B thu lợi bất chính số tiền 30.000.000 đồng; bị cáo H, C thu lợi bất chính từ việc đánh bạc mỗi bị cáo 5.000.000 đồng; số tiền liên quan đến việc đánh bạc của bị cáo H là 1.945.000 đồng. Hội đồng xét xử, buộc các bị cáo H, T giao nộp số tiền thu lợi bất chính 10.000.000 đồng; bị cáo B giao nộp số tiền thu lợi bất chính 30.000.000 đồng; bị cáo H và C mỗi

bị cáo giao nộp số tiền thu lợi bất chính 5.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước. Và tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền liên quan đến đánh bạc 31.232.000 đồng (của H, T 29.287.000 đồng; của H 1.945.000 đồng).

Giao trả cho các bị cáo H, T số tiền 83.700.000 đồng do không liên quan đến đánh bạc nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

(Đặc điểm tang vật như Quyết định cHển vật chứng số 53 ngày 12 tháng 12 năm 2023 và số 288 ngày 27 tháng 5 năm 2024).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 24.711.000 đồng, bị cáo H tự nguyện giao nộp khắc phục hậu quả số tiền đánh bạc và thu lợi bất chính để đảm bảo việc thi hành án (theo Biên lai thu tiền số 3877 ngày 05/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu).

Theo điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Lưu hồ sơ vụ án: 88 (tám mươi tám) tờ phơi đề có các chữ màu đỏ; 01 (một) tờ giấy có nội dung kết quả xử số ngày 14/5/2023; 01 (một) tờ vé số đài Đồng Tháp ngày 17/7/2023 mặt sau ghi nhiều chữ bằng màu xanh; 02 (hai) tờ giấy kẻ sọc caro có chữ số, chữ viết màu xanh; 07 (bảy) tờ giấy lịch mặt sau ghi nhiều số bằng mực xanh; 01 (một) tờ bìa giấy của sổ khám bệnh mặt sau ghi nhiều chữ màu xanh.

[8] Đối với, Lê Thị V, Nguyễn Văn Nh đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra - C an thị xã Tân Châu đề nghị xử phạt vi phạm hành chính; Lê Văn C, Lê Thị N, Đặng Thị Bích V và lời khai của Đỗ Thanh B, Tiêu Thành C về những lần giao nhận phơi đề với Nguyễn Thanh H trên 5.000.000 đồng, nhưng không xác định được thời gian cụ thể, xét ngoài lời khai không có tài liệu, chứng cứ khác, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau; Trần Kim H1 được C nhờ ghi lại kết quả tính tiền do H cHển đến để C theo dõi. Xét thấy, hành vi của H1 được thực hiện sau khi hành vi đánh bạc của C, H đã kết thúc, không hưởng lợi, không cùng mục đích đánh bạc nên chưa đủ căn cứ xác định trách nhiệm hình sự đối với H1 là phù hợp.

[9] Về các vấn đề khác: Các bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh H, Lương Thị K T, Đỗ Thanh B, Khuru Thị H, Tiêu Thành C phạm tội “Đánh bạc”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt, bị cáo **Nguyễn Thanh H 01 (một) năm tù**; thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 07/02/2024, khấu trừ thời hạn bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 03 (ba) tháng (từ ngày 23/7/2023 đến ngày 20/10/2023).

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt, bị cáo **Lương Thị K T 11 (mười một) tháng 08 (tám) ngày tù bằng thời hạn tạm giam (từ ngày 01/8/2023 đến ngày 03/7/2024)**, bị cáo T đã chấp hành xong hình phạt về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015

Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lương Thị K T đang bị tạm giam, nếu bị cáo T không bị tạm giam về một tội khác.

Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Thanh H, Lương Thị K T số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo **Đỗ Thanh B 09 (chín) tháng tù** cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo B cho Ủy ban nhân dân phường 1, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

(Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo).

Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Thanh B số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo **Khuru Thị H 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng**.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo **Tiêu Thành C 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng**;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Tịch thu bán phát mại sung vào ngân sách Nhà nước 03 (ba) điện thoại di động hiệu Nokia 6700, lần lượt có sim số: 0372118252; 0383337595; 0919966408; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 2690 có sim số: 0829721568; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 150 có sim số: 0843071083; 02 (hai) điện thoại di động hiệu Iphone 6, Iphone 12; 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme 9A có sim số: 0346944994; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S7; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo Y71A.

Tịch thu tiêu hủy: 25 (hai mươi lăm) cây viết màu xanh; 20 (hai mươi) cây viết màu đỏ; 03 (ba) máy tính hiệu Casio; 02 (hai) cây kéo.

Buộc các bị cáo H, T giao nộp số tiền thu lợi bất chính 10.000.000 đồng; bị cáo B giao nộp số tiền thu lợi bất chính 30.000.000 đồng; bị cáo H và C mỗi bị cáo giao nộp số tiền thu lợi bất chính 5.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước. Và tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền liên quan đến đánh bạc 31.232.000 đồng (của H, T 29.287.000 đồng; của H 1.945.000 đồng).

Giao trả cho các bị cáo H, T số tiền 83.700.000 đồng do không liên quan đến đánh bạc nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

(Đặc điểm tang vật như Quyết định cHển vật chứng số 53 ngày 12 tháng 12 năm 2023 và số 288 ngày 27 tháng 5 năm 2024).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 24.711.000 đồng, bị cáo H tự nguyện giao nộp khắc phục hậu quả số tiền đánh bạc và thu lợi bất chính để đảm bảo việc thi hành án (theo Biên lai thu tiền số 3877 ngày 05/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu).

Lưu hồ sơ vụ án: 88 (tám mươi tám) tờ phôi đề có các chữ màu đỏ; 01 (một) tờ giấy có nội dung kết quả xổ số ngày 14/5/2023; 01 (một) tờ vé số đài Đồng Tháp ngày 17/7/2023 mặt sau ghi nhiều chữ bằng màu xanh; 02 (hai) tờ giấy kẻ sọc caro có chữ số, chữ viết màu xanh; 07 (bảy) tờ giấy lịch mặt sau ghi nhiều số bằng mực xanh; 01 (một) tờ bìa giấy của sổ khám bệnh mặt sau ghi nhiều chữ màu xanh.

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo H, T, B, H, C mỗi bị cáo pH chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Viện KSND tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Viện KSND thị xã (1);
- Chi cục Thi hành án DS thị xã (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- Nhà Tạm giam (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Phòng hồ sơ (1);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Bạch Tuyết